

Số: /KH-STP

Tuyên Quang, ngày tháng 4 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh năm 2023

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014 (đã được sửa đổi, bổ sung); Nghị định số 29/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng; Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng;

Thực hiện Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang phê duyệt Chương trình công tác tư pháp trên địa bàn tỉnh năm 2023;

Căn cứ tình hình thực tiễn công tác quản lý nhà nước về hoạt động công chứng trên địa bàn tỉnh;

Sở Tư pháp ban hành Kế hoạch kiểm tra tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang năm 2023, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Nhằm đánh giá đúng kết quả đạt được, những tồn tại, hạn chế trong tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh. Qua đó nắm bắt, đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về công chứng; kịp thời phát hiện những tồn tại, hạn chế, sai sót, sai phạm (nếu có) để xử lý, kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật hoặc chấn chỉnh, khắc phục các sơ hở nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật và hiệu quả thực hiện các quy định của pháp luật về công chứng, chứng thực của công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

Việc kiểm tra phải được thực hiện đúng quy định của pháp luật; đúng đối tượng; đảm bảo nội dung, tiến độ, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của tổ chức hành nghề công chứng được kiểm tra.

II. NỘI DUNG, PHƯƠNG THỨC, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN KIỂM TRA

1. Nội dung kiểm tra

1.1. Về tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có nội dung về tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng (số lượng công chứng viên hợp danh); việc thực hiện thủ tục về đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng báo nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; việc thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp liên tục cho công chứng viên; thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hành năm của công chứng viên.

1.2. Việc thực hiện nội dung, trình tự, thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch, công chứng bản dịch theo quy định của pháp luật.

1.3. Việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

1.4. Việc thực hiện thu phí công chứng, thù lao công chứng, phí chứng thực, chi phí khác theo quy định; tình hình sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ thu phí; niên yết lịch làm việc của tổ chức hành nghề công chứng; niên yết mức thu phí công chứng, thù lao công chứng, phí chứng thực; niên yết trình tự, thủ tục quy trình giải quyết về công chứng, chứng thực; việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động trong trường hợp có thuê lao động; việc tiếp nhận, hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng; thực hiện chế độ báo cáo; lập, quản lý, sử dụng sổ trong hoạt động công chứng; lưu trữ hồ sơ công chứng và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng của công chứng viên.

1.5. Việc thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch của công chứng viên hợp danh tại Văn phòng công chứng.

1.6. Việc thực hiện cập nhật, tra cứu, chia sẻ thông tin hợp đồng, giao dịch lên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tỉnh Tuyên Quang; tra cứu thông tin ngăn chặn đối với tài sản có liên quan khi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật về công chứng và Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ban hành kèm theo Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

1.7. Việc thực hiện các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về tổ chức và hoạt động công chứng.

2. Phương thức, đối tượng kiểm tra

a) Các tổ chức hành nghề công chứng tiến hành tự kiểm tra, gửi báo cáo kết quả tự kiểm tra theo Đề cương gửi kèm về Sở Tư pháp trước ngày **30/4/2023**.

b) Đoàn kiểm tra của Sở Tư pháp tiến hành kiểm tra trực tiếp tại một số tổ chức hành nghề công chứng, gồm: Phòng Công chứng số 1; Văn phòng công chứng Đinh Thị Bích; Văn phòng công chứng Nguyễn Hữu Thảo.

c) Đơn vị được kiểm tra trực tiếp nêu tại điểm b, mục 2, phần II Kế hoạch này chuẩn bị đầy đủ các văn bản, hồ sơ, sổ sách, tài liệu có liên quan; bố trí địa điểm, cử công chứng viên, nhân viên phối hợp với Đoàn kiểm tra cung cấp các thông tin, tài liệu và nội dung có liên quan trong quá trình kiểm tra. Đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra trực tiếp trên hồ sơ, sổ sách, tài liệu nghiệp vụ liên quan đến phạm vi nội dung kiểm tra; tiến hành xác minh một số nội dung liên quan đến lĩnh vực được kiểm tra (nếu cần thiết); yêu cầu tổ chức hành nghề công chứng được kiểm tra báo cáo làm rõ những nội dung có liên quan khi Đoàn kiểm tra yêu cầu (nếu có); thông qua nội dung kiểm tra để tổ chức được kiểm tra có ý kiến phản hồi hoặc giải trình (nếu có).

3. Thời gian kiểm tra

3.1. Thời gian kiểm tra:

Dự kiến kiểm tra trực tiếp tại các tổ chức hành nghề công chứng từ ngày 08/5/2023 đến ngày 26/5/2023. Thời gian kiểm tra đối với mỗi tổ chức hành nghề công chứng dự kiến là 05 ngày; trường hợp cần thiết, Trưởng Đoàn kiểm tra báo cáo, đề xuất người có thẩm quyền kéo dài thời gian kiểm tra. Thời gian kiểm tra cụ thể đối với từng tổ chức hành nghề công chứng do Trưởng Đoàn kiểm tra thông báo bằng văn bản theo quy định.

3.2. Thời điểm kiểm tra: Số liệu từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 20/4/2023.

4. Thành phần Đoàn kiểm tra

Phó Giám đốc Sở Tư pháp, Trưởng đoàn. Các thành viên, gồm: Phó Trưởng Phòng, 01 Chuyên viên Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp; 01 Thanh tra viên, Thanh tra Sở.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đề nghị các tổ chức hành nghề công chứng báo cáo kết quả tự kiểm tra và gửi về Sở Tư pháp đúng thời hạn nêu tại điểm a, mục 2, phần II Kế hoạch này.

2. Giao Phòng Bổ trợ và Hành chính tư pháp tham mưu với Giám đốc Sở ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra và theo dõi, đôn đốc, tổ chức thực hiện Kế hoạch này; báo cáo Giám đốc Sở kết quả thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Tư pháp về kiểm tra tổ chức và hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh năm 2023./.

Nơi nhận:

- Giám đốc STP (báo cáo);
- PGĐ Sở Tư pháp;
- Hội Công chứng viên tỉnh;
- Các tổ chức hành nghề công chứng (thực hiện);
- VP Sở và các phòng, đơn vị chuyên môn;
- Website STP;
- Lưu: VT, BT&HCTP (Thanh).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Thị Thanh Hương

ĐỀ CƯƠNG

Báo cáo tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng

1. Việc thực hiện các quy định của pháp luật về công chứng

- Về tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng, trong đó có nội dung về tổ chức và hoạt động của Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Luật Công chứng (số lượng công chứng viên hợp danh); việc thực hiện thủ tục về đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng báo nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.

- Việc thực hiện nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp liên tục cho công chứng viên; thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ công chứng hành năm của công chứng viên.

- Việc thực hiện nội dung, trình tự, thủ tục công chứng các hợp đồng, giao dịch, công chứng bản dịch theo quy định của pháp luật.

- Việc thực hiện chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận; chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản.

- Việc thực hiện thu phí công chứng, thù lao công chứng, phí chứng thực, chi phí khác theo quy định; tình hình sử dụng hóa đơn, biên lai, chứng từ thu phí; việc nộp thuế theo quy định của pháp luật (*đối với các Văn phòng công chứng*) và nộp ngân sách nhà nước (*đối với Phòng Công chứng số 1*).

- Niêm yết lịch làm việc của tổ chức hành nghề công chứng; niêm yết mức thu phí công chứng, thù lao công chứng, phí chứng thực; niêm yết trình tự, thủ tục quy trình giải quyết về công chứng, chứng thực.

- Việc thực hiện các quy định của pháp luật về hợp đồng lao động trong trường hợp có thuê lao động;

- Việc thực hiện tiếp nhận, hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

- Việc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất; lập, quản lý, sử dụng sổ trong hoạt động công chứng; lưu trữ hồ sơ công chứng, chứng thực và các nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Việc tuân thủ pháp luật, Quy tắc đạo đức hành nghề công chứng của công chứng viên.

- Việc công chứng viên hợp danh thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch tại Văn phòng công chứng. Thống kê số vụ việc của công chứng viên thực hiện theo từng tháng trong thời điểm kiểm tra.

- Việc thực hiện cập nhật, tra cứu, chia sẻ thông tin hợp đồng, giao dịch lên Hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực tỉnh Tuyên Quang; tra cứu thông tin ngăn chặn đối với tài sản có liên quan khi thực hiện công chứng hợp đồng, giao dịch theo quy định của pháp luật về công chứng và Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Cơ sở dữ liệu công chứng, chứng thực trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, ban hành kèm theo Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 05/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

2. Kết quả hoạt động

- Thống kê tổng số việc công chứng các hợp đồng, giao dịch, bản dịch đã thực hiện, trong đó phân loại theo từng loại hợp đồng, giao dịch; tổng số phí công chứng; thù lao công chứng; chi phí khác theo quy định.

- Thống kê tổng số việc chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký; tổng số phí chứng thực.

- Số thuế/ngân sách đã nộp.

3. Đánh giá ưu điểm; tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; đề xuất, kiến nghị.
